

Máy in HP PageWide XL 4250 40 inch có ngăn xếp giấy trên cùng

Trải nghiệm in ấn tốc độ cao, hiệu quả với khả năng bảo mật tối ưu¹



*Hình ảnh sản phẩm có thể khác với sản phẩm thực tế

In đơn sắc và in màu nhanh, kiểm soát chi phí

- Không mất thời gian chờ đợi bản in— đen trắng và màu năng suất cao, tốc độ cao lên đến 12 A1 trang/phút.²
- Các bản in kỹ thuật tuyệt vời với mực HP PageWide XL sắc tố—màu sắc sống động, đường nét sắc nét, màu LED nổi bật chi tiết tốt.³
- Tiết kiệm với chi phí vận hành thấp ở chế độ in đơn sắc và in màu⁴ và tiêu thụ năng lượng thấp hơn tới 10 lần.⁵
- Eco-Carton thay thế hộp mực nhựa—giảm 80% nhựa và giảm 66% CO2e⁶, thu hồi miễn phí.⁷

Cực kỳ đơn giản

- Dễ dàng in ấn và nâng cao hiệu quả quy trình làm việc với HP Click, phần mềm HP SmartStream, tính năng kiểm soát chi phí HP SmartTracker.
- Màn hình cảm ứng 15 inch lớn nhất thị trường⁸ giúp dễ dàng vận hành từ phía trước và phía sau.
- Dễ dàng cộng tác—truy cập các thư mục nhóm cá nhân/mạng tại màn hình cảm ứng; in, lưu và chia sẻ ngay lập tức.

Khả năng bảo mật máy in hàng đầu thế giới với HP Wolf Pro

- Bảo vệ mạng tốt nhất với bảo mật động HP Connection Inspector, HP Secure Boot và Whitelists.¹
- Đảm bảo an toàn cho nhóm máy in của bạn và thiết lập tùy chọn bảo mật—mọi lúc—với phần mềm HP Security Manager.
- Kiểm soát người truy cập máy in và các tài liệu bí mật với xác thực người dùng an toàn.

Máy in này chỉ hoạt động với các hộp mực có chip HP mới hoặc được sử dụng lại, và máy in sử dụng các biện pháp bảo mật động để chọn các hộp mực sử dụng chip không phải của HP. Cập nhật phần mềm điều khiển định kỳ sẽ duy trì hiệu quả của các biện pháp này và chặn các hộp mực đã hoạt động trước đó. Chip HP tái sử dụng cho phép sử dụng hộp mực tái sử dụng, tái sản xuất và nạp lại. Xem thêm tại: <http://www.hp.com/learn/ds>

Chú thích trong phần nhấn tin

¹ Dựa trên so sánh các thông số kỹ thuật bảo mật đã công bố do HP ủy quyền và Sogeti thực hiện vào tháng 1 năm 2024. So sánh danh mục sản phẩm HP PageWide XL và các đối thủ cạnh tranh đại diện cho phần lớn thị phần máy in LED và UV-gel trên toàn thế giới tính đến năm 2023 theo IDC. Ma trận so sánh và các chi tiết khác có sẵn theo yêu cầu.

² Máy in HP PageWide XL 4250 cung cấp 12 bản in D/A1 bản in đầu ra CAD trong 1 phút. Số lượng trang sẽ thay đổi tùy thuộc vào chế độ in và ứng dụng in.

³ Dựa trên thử nghiệm do HP ủy quyền và Sogeti thực hiện vào tháng 9 năm 2020. Độ chi tiết nhỏ dựa trên số lượng nốt đồng được tìm thấy trong 1,5 mm đồng. Trên các đường 1 px C,M,Y,K dọc. Được in trên giấy thường Océ 75 g sử dụng các chế độ in nhanh/tốc độ cao tương đương. Đối với sản phẩm đầu ra được sản xuất bằng máy in HP PageWide XL 8200 và các máy in có thể so sánh từ các nhà sản xuất khác và đại diện cho phần lớn thị trường máy in LED và UV-gel tính đến năm 2019 theo IDC.

⁴ Phép tính dựa trên so sánh tổng chi phí sở hữu của máy in cạnh tranh tương đương, xem xét tuổi thọ trung bình của đầu in. Kết quả cho thấy chi phí bảo trì giảm 50% khi in bản vẽ kỹ thuật. Thời gian phân tích là 5 năm và giá sử sản xuất 1000 m²/tháng với phân phối danh mục in là: 80% đường kẻ, 20% hình ảnh mật độ cao. Thử nghiệm do HP ủy quyền và Sogeti thực hiện vào tháng 9 năm 2020.

⁵ Dựa trên các thử nghiệm do HP thực hiện nội bộ dựa trên ISO 20690 và được thực hiện vào tháng 9 năm 2020. Máy in so sánh sử dụng công nghệ LED dựa trên máy in LED có khả năng in 4-6 D/A1 trang mỗi phút và chiếm phần lớn thị phần của máy in LED cỡ trung ở Hoa Kỳ và Châu Âu theo IDC tính đến tháng 10 năm 2020.

⁶ Dựa trên hộp mực 1 lít, số liệu có thể hơi khác đối với hộp mực 500 ml. Giảm CO2e dựa trên việc chuyển từ hộp mực nhựa sang hộp mực HP Eco-Carton bằng bia cứng, với mức tiết kiệm sản xuất hàng năm là 36 tấn và tiết kiệm vận chuyển là 1 tấn. Tương đương với 147.755 km (91.811 dặm) của một chiếc xe chở khách trung bình hoặc 4.718.692 triệu điện thoại thông minh được sạc đầy.

⁷ Truy cập <https://www.hp.com/recycle> để tìm hiểu phạm vi cung cấp và cách tham gia Chương trình HP Planet Partners; chương trình có thể không có sẵn tại khu vực pháp lý của bạn. Trong trường hợp chương trình này không áp dụng tại khu vực của bạn và các vật tư tiêu hao khác không có trong chương trình, vui lòng tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý chất thải địa phương về cách xử lý thích hợp.

⁸ Dựa trên so sánh các thông số kỹ thuật ở bằng điều khiển phía trước đã xuất bản do HP ủy quyền và Sogeti thực hiện vào tháng 9 năm 2020. So sánh danh mục HP PageWide XL và các đối thủ cạnh tranh đại diện cho phần lớn thị phần máy in LED và UV-gel trên toàn thế giới tính đến năm 2019 theo IDC.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <https://www.hp.com/go/pagewide-xl-4250>

Thông số kỹ thuật

In	
Mô tả	Máy in màu khổ lớn
Tài liệu kỹ thuật (tử cuộn)	Tối đa 650 trang A1/giờ, 12 trang A1/phút;
Thời gian khởi động	Không khởi động
Trang ra đầu tiên	22 giây (từ USB)
Độ phân giải in	1200 x 1200 dpi
Công nghệ	Công nghệ PageWide của HP
Loại mực	Gốc bột màu (C, M, Y, K)
Hộp mực in	4 (C, M, Y, K)
Kích thước hộp mực	500 ml
đầu in	8 (C, M, Y, K)
Tuổi thọ đầu in trung bình	32 L
Bảo hành đầu in	12 tháng kể từ ngày lắp đặt, hoặc 10 L, hoặc cho đến ngày Hết hạn Bảo hành được in trên bao bì, tùy thời điểm nào trước
Độ chính xác dòng	±0,1% ¹
Chiều rộng dòng tối thiểu	0,02 mm (có thể định địa chỉ HP-GL/2) ² ;
Giấy ảnh media	
Biển hiệu	Bản vẽ đồng; Bản đồ; Ảnh trực giao; Ấp phích
Cuộn giấy ảnh media	2 cuộn mặc định với tự động chuyển đổi, có thể mở rộng thành 4 cuộn
Kích cỡ cuộn	279 đến 1016 mm;
Chiều dài cuộn	Lên đến 200 m;
Đường kính cuộn tối đa	Lên đến 177 mm;
Đường kính lõi cuộn	7,6 cm;
Trọng lượng Giấy ảnh Media được Khuyến nghị	70 đến 200 g/m²
Trọng lượng giấy ảnh media theo đường dẫn giấy	70 đến 200 g/m²;
Chiều dày	Lên đến 0,4 mm
Loại giấy in	Trái phiếu và giấy tái chế, giấy áp phích, polypropylen, giấy Tyvek, màng mờ
Đầu ra giấy ảnh media (tiêu chuẩn)	Bộ xếp chồng trên cùng (công suất lên đến 100 trang)
Đầu ra giấy ảnh media (tùy chọn)	Bộ xếp chồng công suất cao (công suất lên đến 500 trang), thư mục trực tuyến (chỉ tương thích với bộ nâng cấp phụ kiện tùy chọn)
Trình điều khiển nhúng	
Giao diện người dùng	Màn hình cảm ứng điện dung 15,6 inch (396 mm) TFT (đèn nền LED) HD định dạng 16:9
Bộ xử lý	Intel Celeron

Thông tin đặt hàng

Sản phẩm	
86Z38A Phụ kiện	Máy in HP PageWide XL 4250 40 inch có ngăn xếp giấy trên cùng
8SB02A	Ngăn kéo HP PageWide XL
8SB03A	Bộ xếp chồng công suất cao HP PageWide XL
8SB06A	Bộ nâng cấp phụ kiện HP PageWide XL 39x0/4x00
8SB07A	Bộ nâng cấp HP PageWide XL PostScript/PDF
8SB08A	Bộ nâng cấp tốc độ HP PageWide XL 4x00
8SF40A	Bộ phận gập HP F40
8SW00A	Trình quản lý HP SmartStream USB Preflight
8SW03A	HP SmartStream Print Controller USB for HP PageWide XL 4000 Printer series
8SW03AAE	Phần mềm HP SmartStream Print Controller cho dòng máy in HP PageWide XL 4000
8SW13A	USB HP SmartTracker cho dòng máy in HP PageWide XL 4000
8SW13AAE	HP SmartTracker cho dòng máy in HP PageWide XL 4000
Mực in	
1XA67A	Hộp mực in màu hồng sẫm HP 865B 500 ml dùng cho máy in PageWide XL
1XA68A	Hộp mực in màu vàng HP 865B 500 ml dùng cho máy in PageWide XL
1XA69A	Hộp mực in màu lục lam HP 865B 500 ml dùng cho máy in PageWide XL
1XA70A	Hộp mực in màu đen HP 864B 500 ml dùng cho máy in PageWide XL
3WW73A	Thùng chứa mực in đã sử dụng cho đầu in HP 874/876 của máy in PageWide XL
3WW99A	Hộp mực bảo dưỡng HP 841/874/876 PageWide XL
C1Q19A	Đầu in HP 841/874 PageWide XL

Bộ nhớ	8 GB DDR4
Ổ cứng	HDD 500 GB (mã hóa AES-256)
Ngôn ngữ in bản địa	HP-GL/2, TIFF, JPEG
Ngôn ngữ in (tùy chọn)	Adobe PostScript 3, Adobe PDF 1.7 (với bản nâng cấp PostScript/PDF)
Quản lý từ xa	Liên kết đối tác HP, Máy chủ web nhúng của HP, HP Web Jetadmin, PrintOS

Khả năng kết nối

Giao diện	Chuẩn Gigabit Ethernet (1000Base-T), máy chủ USB 2.0
Đường dẫn in	Phần mềm HP SmartStream (không bắt buộc), phần mềm in HP Click, trình điều khiển in HP PageWide XL (PDF, HP-GL/2 và PCL3), Apple AirPrint

Kích thước (R X S X C)

Sản phẩm	1955 x 785 x 1414 mm;
Vận chuyển	2257 x 1040 x 1578 mm;

Trọng lượng

Sản phẩm	442 kg;
Vận chuyển	596 kg;

Phạm vi môi trường

Nhiệt độ hoạt động	5 đến 40°C ³ ;
Độ ẩm hoạt động	20 đến 80% RH, tùy thuộc vào loại phương tiện

Âm thanh

áp suất âm thanh	In: ≤60 dB(A) (đang vận hành), ≤36 dB(A) (không tải), ≤20 dB(A) (ngủ)
Công suất âm thanh	In: ≤7,8 B(A) (đang vận hành), ≤5,5 B(A) (không tải), ≤3,5 B(A) (ngủ)

Nguồn điện

Tiêu thụ	0,27 kW (diển hình); 0,7 kW (in tối đa); 95 W (sẵn sàng); <16 W (ngủ)
Yêu cầu	Điện áp đầu vào (tự động biến thiên) 100-127/200-240 V (±10%), 50/60 Hz (±3 Hz), 7/3,5 A

Chứng nhận

An toàn	Tuân thủ IEC 60950-1+A1+A2 và IEC 62368-1 phiên bản 2; Mỹ và Canada (đã được đưa vào danh sách CSA); EU (tuân thủ LVD và EN 60950-1 và 62368-1); Nga, Belarus và Kazakhstan (EAC); Trung Quốc (CCC)
Điện từ	Tuân theo các yêu cầu Loại A, bao gồm: Mỹ (Quy tắc FCC), Canada (ICES), EU (Chỉ thị EMC), Úc và New Zealand (RCM), Nhật Bản (VCCI), Hàn Quốc (KC)
Môi trường	ENERGY STAR, Đã đăng ký EPEAT, dấu CE (bao gồm cả RoHS, WEEE, REACH). Phù hợp với các yêu cầu hạn chế vật liệu WW RoHS tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Serbia, và Ukraina
Bảo hành	90 ngày

Sử dụng mực và đầu in HP Chính hãng cùng với vật liệu in khổ lớn của HP mang đến trải nghiệm chất lượng cao đồng đều và hiệu suất đáng tin cậy giúp giảm thời gian chết. Các thành phần quan trọng này được thiết kế và chế tạo cùng nhau dưới dạng một hệ thống máy in được tối ưu hóa. Ngoài ra, mực HP chính hãng được thiết kế để kéo dài tối đa tuổi thọ của đầu in HP, Bảo vệ khoản đầu tư vào máy in HP của bạn bằng cách sử dụng mực HP chính hãng để nhận được sự bảo vệ đầy đủ từ chế độ bảo hành của HP. Để biết thêm thông tin, truy cập <https://hp.com/go/OriginalHPinks>

Vật liệu in khổ lớn HP chính hãng

Giấy HP Universal Bond, Lõi 3 inch (được chứng nhận FSC®)² (có thể tái chế)³
Giấy HP Production Matte Poster, Lõi 3 inch (được chứng nhận FSC®)² (có thể tái chế)³
Giấy HP Production Satin Poster, Lõi 3 inch (được chứng nhận FSC®)² (có thể tái chế)³
Giấy HP Universal Heavyweight Coated, Lõi 3 inch (được chứng nhận FSC®)² (có thể tái chế)³
Nhựa Polypropylene mờ HP, Lõi 3 inch

Để biết toàn bộ danh mục Vật liệu In Khổ Lớn của HP, vui lòng xem HPLFMedia.com. Dịch vụ hỗ trợ HP cung cấp dịch vụ lắp đặt và hỗ trợ mở rộng (ví dụ: 2, 3, 4 và 5 năm). Để biết thêm thông tin, truy cập <http://www.hp.com/go/cpc>

Chú thích cuối trang về đặc điểm kỹ thuật

¹ ±0,1% chiều dài véc tơ được quy định hoặc ±0,2 mm (tùy giá trị nào lớn hơn) ở 23°C (73°F), 50-60% độ ẩm tương đối, trên A0/E vật liệu in trong chế độ Tốt nhất hoặc Bình thường với mực pigment HP Matte Polypropylene và HP PageWide XL.
² Mã giấy phép nhận hiệu BMG FSC®-C115319, xem tại <http://www.fsc.org>. Mã giấy phép nhận hiệu HP FSC®-C017543, xem tại <http://www.fsc.org>. Không phải sản phẩm nào được chứng nhận FSC® cũng đều có sẵn tại mọi khu vực. Để biết thông tin về các vật liệu in khổ lớn của HP, vui lòng truy cập <http://www.HPLFMedia.com>
³ Có thể được tái chế thông qua các chương trình tái chế phổ biến.

© Bản quyền 2025 HP Development Company, L.P. Thông tin có trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chế độ bảo hành duy nhất cho sản phẩm và dịch vụ của HP được quy định trong các điều khoản bảo hành chính thức đi kèm với các sản phẩm và dịch vụ tương ứng. Không có nội dung nào trong tài liệu này được hiểu là cấu thành chế độ bảo hành bổ sung. HP không chịu trách nhiệm đối với lỗi kỹ thuật, biên tập hoặc thiếu sót trong tài liệu này.

